

PHẦN 1: TƯỢNG NIỆM PAUL RICOEUR 20 NĂM GIÃ TRẦN (2005-2025) – IN MEMORY OF RICOEUR (2005-2025)

PAUL RICOEUR – CUỘC ĐỜI VÀ NHỮNG Ý NGHĨA

Lưu Hồng Khanh*

Tiểu sử về Paul Ricoeur hiện có nhiều:

- Đặc biệt là cuốn Tự truyện tinh thần (Bản tiếng Pháp: *Réflexion faite*, Paris, Esprit, 1995; Bản tiếng Anh: *The Philosophy of Paul Ricoeur*, Chicago, Open Court, 1995).

- Tiếp đến, có cuốn tiểu sử phỏng vấn mang tên Phê phán và xác tín (*La critique et la conviction*, giữa François Azouvi và Marc de Launay với Ricoeur, Paris, Calmann-Lévy, 1995).

- Ngoài ra, có hai cuốn với nhiều trọng lượng nói về cuộc đời cùng với sự nghiệp và môi trường sinh sống tinh thần của Ricoeur: một của Charles E. Reagan, *Paul Ricoeur, His Life and His Works*, Chicago and London, The University of Chicago Press, 1996; và một của François Dosse, *Paul Ricoeur*

- Những ý nghĩa của một cuộc đời (*Les sens d'une vie*, Paris, La Découverte, 1997, Édition revue et augmentée 2008. Cuốn tiểu sử về Ricoeur của Dosse rất dày, trên 700 trang, rất công phu và sinh động, với rất nhiều phỏng vấn các bạn bè, các đồng nghiệp, và cũng rất chi tiết về các nội dung biên soạn, thuyết trình, xuất bản lồng qua các thời gian sinh sống và hoạt động. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu đôi dòng tiểu sử về Paul Ricoeur, chủ yếu trên cơ sở nghiên cứu phần lớn các tác phẩm quan trọng của Ricoeur, đồng thời có tham chiếu các bản tiểu sử hiện lưu hành về ông

Paul Ricoeur sinh tại Valence ngày 27.02.1913. Valence là một thị trấn thuộc tỉnh Drôme trong vùng Provinces-Alpes ở Đông-Nam nước Pháp. Bóng tối tử thần đã sớm hằn sâu dấu vết trên cuộc đời của bé Paul: mẹ ông, Florentine Favre, đã chết chỉ một vài tháng sau khi sinh Paul. Cha ông, Jules, giáo viên Anh ngữ trường Trung học Valence, bị tử trận trong chiến tranh thứ nhất năm 1915. Cái chết rất sớm này, được cảm nhận như rất đổi bất công, đã kích động sự phẫn hận nơi bé Paul về sự độc ác của chiến tranh. Là những bé mồ côi, Paul và người chị Alice – chỉ chút ít nhiều tuổi hơn Paul và sớm chết vì lao phổi – cả hai chị em được phó thác cho hai ông bà nội và bà cô Adèle ở Rennes, thị xã thuộc vùng Bretagne miền Tây-Bắc nước Pháp. Nơi đây hai chị em đã trải qua thời niên thiếu ấm nồng, mặc dù nghiêm nhặt của một gia đình gốc truyền thống Tin Lành vững chắc.

Chính ở trường trung học Rennes mà Paul – sớm tỏ ra là một học trò rất chăm chỉ và rất say mê đọc sách – đã chín muồi thiên hướng triết học dưới ảnh hưởng của thầy giáo Roland

* Giáo sư Hư trí, Frankfurt a.M., Germany

Dalbiez. Thầy giáo này là một nhà nghiên cứu có tầm vóc lớn: với nguồn tư tưởng Tân Học thuyết Tôma, tinh thần phê phán duy tâm của tư duy hiện đại, kẻ là triết gia Pháp đầu tiên đã viết về Freud.

Ricoeur, luôn thận trọng nhìn nhận những món nợ tinh thần, đã từng tuyên bố: “Tôi tin chắc là đã nợ với thầy giáo triết học đầu tiên của tôi về thái độ phủ nhận có phê phán yếu sách tất yếu của cái “cogito” của Descartes và cả cái “tôi tư duy” của Kant, khi mà việc học hành cấp đại học sau này đã dẫn đưa tôi đến với những giòng chảy triết học truyền thừa ở Pháp từ hai vị sáng lập tư tưởng hiện đại đó (RF 12-13). Đối với Dalbiez, Ricoeur cũng nhìn nhận là đã đón nhận được từ người thầy này cái hứng thú đầu tiên đối với vấn đề phân tâm học – một hứng thú đồng thời cũng làm sáng tỏ ra cái giới hạn của suy tư – và qua đó nhìn thấy trong người thầy ấy cái gương hạnh của một sự liêm chính tinh thần. Ricoeur nhắc nhở mình với lời khuyên của thầy giáo Dalbiez: “Khi có một vấn đề làm bạn ưu tư, lo lắng, sợ hãi, thì bạn đừng ngoảnh mặt bỏ đi, nhưng hãy nhìn thẳng vào mặt nó”. Và Ricoeur nói thêm: “Tôi không còn nhớ tôi đã trung thành đến mức nào với lời khuyên đó, nhưng tôi có thể nói là tôi đã không bao giờ quên điều ấy” (RF 13).

Liêm chính tinh thần, cảm thức sâu sắc thực tại, đặt thành vấn đề về ý thức gọi là tất yếu về chính mình, đó là những đặc tính đã từng đồng hành cùng Ricoeur dọc suốt cả con đường triết học của ông. Những đặc tính đó đồng thời cũng giải thích mối tương quan trung thành có phê phán của ông đối với truyền thống phản tư (réflexive) của tư duy hiện đại – từ Descartes đến Husserl – truyền thống mà Ricoeur tiếp cận được rất sớm, từ những năm đầu đại học tại Rennes, thông qua những người mà ông định nghĩa như là những người Pháp kế nghiệp những kẻ đặt nền móng cho tư duy hiện đại. Ricoeur đích thị nêu tên những vị thầy triết học phản tư Pháp giữa hai giòng sử thế kỷ 19 và 20, như Lachelier (1832-1918), Lagneau (1851-1894), hai vị mà Ricoeur đã đề tặng Luận văn cao học của ông Vấn đề Thượng đế đối với Lachelier và Lagneau năm học hàn lâm 1933-34. Luận văn này, Ricoeur cho biết, đã được hoàn thành trong thời đình chiến của cuộc “chiến tranh nội bộ giữa đức tin và lý trí” mà Ricoeur đã tuân thủ thực hiện trong những năm đào tạo Đại học của mình.

Truyền thống phản tư Pháp đã được tái diễn cũng trong thời gian những năm đó với Jean Nabert (1881-1960), tác giả một tác phẩm đáng ghi nhớ Kinh nghiệm triết học về tự do (1924), tác phẩm đã ảnh hưởng lớn trên Ricoeur, nhất là vào những năm 50 và 60. Hiện tượng học của Edmund Husserl (1859-1938), mà nhà nghiên cứu trẻ tuổi tinh nhỏ đã phát hiện được trong năm học bổ sung ở Paris (1934-35), đã được Ricoeur cảm nhận như một di bản canh tân về truyền thống phản tư của tư duy hiện đại. Đối với truyền thống này, Ricoeur bảo trì luận điểm cho rằng, triết học thường bao hàm đặc tính phản tư, nghĩa là sự trở về của chủ thể trên chính mình, tìm đến sự tái chiếm hữu chính mình. Để thực hiện điều này, cũng cần phải tách biệt phương pháp phản tư với sự khẳng định kiên kỳ – phát xuất từ duy tâm hay ít nhất từ tính chủ quan – đề cao sự ưu việt của ý thức. Đối với Ricoeur, ý thức không phải nguồn gốc hay nền tảng, nhưng là nhiệm vụ; nó không phải thông suốt, nhưng mờ đục, nó đòi hỏi một cố gắng thương xuyên phải được soi sáng, hợp nhất để vẫn hồi lại được sự gắng gỏi và sự ham thích được hiện hữu, điều được biểu đạt trong muôn vàn hành động của chủ thể và những tín hiệu qua đó các hoạt động kia được diễn bày.

Về vấn đề hiện tượng học của Husserl: Ricoeur không ngừng nhìn thấy trong phương pháp hiện tượng học một nguồn giá trị khôn tả để đón nhận các hiện tượng trong toàn bộ các giá trị của chúng, dẫu vậy ông cũng đã dè dặt đối với những khai triển mang tính duy tâm nơi Husserl thời trưởng thành. Theo Ricoeur, thì chính trong sự tiếp cận bằng phương pháp hiện tượng học mà ta tìm thấy những yếu tố để phát động một động lực phong phú dẫn đưa hiện tượng học vượt xa cả thuyết duy tâm, trung thành với tính nghiêm ngặt của câu hỏi và cả với điều mà ông xem như là khám phá quan trọng nhất của Husserl. Đó là sự chủ ý của ý thức (*intentionnalité de la conscience*).

Ngoài ra, chính nhờ vào tiêu đề chủ ý – điều đã phân chia sự nhận diện của Descartes về ý thức, nay bên cạnh ý thức về mình, còn có ý thức hướng ngoại – mà hiện tượng học của Husserl được nhìn nhận tại Pháp trong những năm 30. Sự khai mở ra thực tại này đã cho phép Ricoeur thời thanh xuân nối kết quan tâm của mình về một hiện tượng học cụ thể đến với một phong cách triết học về hiện hữu: điều mà một cuộc gặp lớn khác trong cùng năm ở Paris, khác với cuộc gặp với Husserl, nay không còn chỉ là cuộc gặp với một học thuyết, mà là với một nhân cách của một vị thầy mới, Gabriel Marcel (1889-1973). Được đón nhận vào một câu lạc bộ thường xuyên gặp nhau chung quanh nhà văn và là nhà tư tưởng trứ danh này mỗi ngày “Thứ sáu triết học”, Ricoeur thực hiện được với người thầy mới của mình một tương giao kéo dài đến ngày chết của vị thầy này. Chủ nghĩa xã hội Kitô-giáo (*Socialisme chrétien*) và Triết học về hiện hữu (*Philosophie de l'existence*) của Marcel, kẻ cũng đã hướng dẫn Ricoeur đến với triết gia Karl Jaspers (1883-1969), đã trở nên phản đối trọng với học thuyết khoa bảng của giới hàn lâm trường Sorbonne.

Một chân dung tinh thần về người trẻ Ricoeur sẽ có phần thiếu sót, nếu không nhắc đến sự dẫn thân mang tính tranh đấu của ông. Dẫn thân trong các phong trào thanh niên Tin lành ở các giáo xứ, qua đó Ricoeur đã gặp người bạn đời Simone Lejas của mình, đã thành hôn năm 1935 và đã cùng chung sống cho đến ngày Simone qua đời năm 1998. Dẫn thân trong hoạt động cánh tả xã hội và phong trào hòa bình, như trên đường hướng của André Philip, kẻ đã sở đắc được những đào tạo cơ bản về thần học, kinh tế, pháp luật. Dẫn thân trong “Phong trào Nhân vị” (*Mouvement personnaliste*) của Emmanuel Mounier (1905-1950) với tạp chí “Tinh thần” (“*Esprit*”) được khai sinh năm 1932 mà Ricoeur thịnh tình đón chào và tích cực cộng tác xuất bản trọn cả đời mình.

Tinh táo không nhằm lẫn giữa đức tin và chính trị, học thuyết xã hội của người trẻ Ricoeur cũng đã được thẩm nhuận bởi một tinh thần khai sáng của Phúc âm tôn giáo, thực hiện qua những tập san, như “Tồn tại”, “Miền Đất Mới”. Qua giòng thời gian, những giọng điệu có phần quá khích hay chân chất thật thà thời thơ trẻ đã biến mất, nhưng những lý tưởng của tuổi trẻ và những thái độ dẫn thân trong tư tưởng của Ricoeur thì vẫn tiếp tục nguyên vẹn. Thái độ này còn được diễn đạt với nhiều ý nghĩa hơn nữa trong những năm sau chiến tranh, như khi dẫn thân trong chiến tranh giải thực Algérie (1962), hay phong trào thanh niên sinh viên '68, và trong phong trào đòi hỏi Nhân quyền, đặc biệt với phong trào Amnesty International.

Trở lại với thời thanh xuân của Ricoeur, sự nhiệt tình trong tinh thần, tôn giáo và xã hội chính trị của Ricoeur vào đầu thời gian giảng dạy của ông ở Trung học Colmar (tỉnh lỵ thuộc vùng Alsace ở miền Đông nước Pháp) và Lorient (một quận ở vùng Bretagne) đã gặp

một thử thách lớn: Tuyên bố Chiến tranh thế giới thứ Hai, Tiếng gọi nhập ngũ, Thời gian lưu đầy dài hạn tại Poméranie ở Ba Lan đã để lại một kinh nghiệm sinh sống khác thường. Trong trại giam, Ricoeur đã ứng biến dựng lên một “Đại học bình dân”, nơi đó ông đã triệt để nghiên cứu về Jaspers, đồng thời phiên dịch sang tiếng Pháp tác phẩm tiếng Đức *Ideen I* của Husserl.

Sau chiến tranh, Ricoeur cùng vợ và ba con dựng nhà ở Chambon-sur-Lignon, (thị trấn thuộc tỉnh Haute-Loire, miền Auvergne-Rhône-Alpes, Đông-Nam nước Pháp) với dân cư hầu hết là người Tin Lành thuộc “Hội Bạn Hòa bình Kitô-giáo” (“Quaker”: “Những người được ‘cảm kích’ từ Ôn trên”), nhiệt tình cứu chữa người Do thái trong thời gian Đức quốc xã chiếm đóng. Nơi đây, Ricoeur sống yên tĩnh trong ba năm, dạy Triết ở trường, chuẩn bị luận án tiến sĩ, kết thúc biên dịch *Ideen I*, hoàn thành tác phẩm Triết học về Ý chí-1 – Cố ý và Vô ý (xb. 1950). Cũng vào thời kỳ này, Ricoeur xuất bản những tựa sách đầu tiên: Karl Jaspers và Triết học về hiện hữu (đồng tác giả: Mikel Dufrenne) năm 1947, Gabriel Marcel và Karl Jaspers. Triết học về mẫu nhiệm và Triết học về nghịch lý năm 1948, cộng tác với tạp chí Tinh Thần (*Esprit*) qua lời mời của Emmanuel Mounier, cũng như với tạp chí Kitô-giáo xã hội (*Christianisme social*), tạp chí lịch sử của Trí thức Tin lành cánh tả. Năm 1948, Ricoeur bắt đầu sự nghiệp Đại học với tư cách giáo sư tại Strasbourg, nơi ông sinh sống những năm tháng hạnh phúc và đầy sáng tạo cùng với gia đình, nay có thêm người con thứ năm cuối cùng, cho đến khi ông đến Paris và từ năm 1957 được bổ nhiệm làm giáo sư trường Sorbonne.

** Nói riêng về “Những ý nghĩa trong một cuộc đời”, như François Dosse viết trong tác phẩm tiểu sử Paul Ricoeur của mình, ta còn có được những thông tin, nhận định và đánh giá trong toàn bộ lịch sử triết học hiện đại tại Pháp và nói chung trên cả hai lục địa châu Âu và Anh-Mỹ như sau:

Hành trình cuộc đời của Ricoeur là một sự kết nối giữa nhiều con đường và nhiều cuộc gặp. Đó là một sự đan xen của nhiều cuộc đời lại với nhau, và như Paul Validier viết, Ricoeur là một “triết gia, kẻ đã tự thành tựu và tự chứng thực chỉ nhờ vào sự gặp gỡ người khác” (Dosse 2008, 13). Và nay chính nhờ vào sự phác họa lại toàn bộ các mối liên kết gặp gỡ đó mà ta tìm lại được – vượt xa trên mọi dấu vết của thư văn – những dấu vết của hiện hữu mà ông để lại. Bản sắc của Ricoeur thấp thoáng cho thấy thông qua sự nhiều khê đa dạng này. Những ý nghĩa của một cuộc đời về chính mình được đọc lên trong cái nhìn của người khác, không phải đích xác như thông qua một tấm gương, nhưng như là một tái tạo thường xuyên, một công trình luôn mãi tác nghiệp, một thế giới bản văn trở nên suối nguồn căn tính. Chính là trong sự tiếp nối những nơi chốn của ký ức: các trại tập trung ở Poméranie phía Đông Âu, ngôi làng nhà ở tại Chambon, Strasbourg, Sorbonne, Murs blancs (Trung tâm Cộng đồng Nhân vị được Mounier gây dựng tại Châtenay-Malabry), Nanterre, Chicago..., thông qua các hội nhóm mà ông là thành phần, như Câu lạc bộ triết học Gabriel Marcel, Kitô-giáo xã hội, Tạp chí Tinh thần, Phòng thí nghiệm hiện tượng học... mà đã được họa nên một bản sắc vừa đa phức bởi sự tham gia và đồng thời vừa thống nhất bởi sự mạch lạc của một cuộc đời trở thành tác phẩm luôn được bảo trì.

Ricoeur là một nhà tư tưởng của sự lắng nghe. Suy tư của ông được thấm nhuần bởi muôn vàn sắc màu của lịch sử tư tưởng hiện đại, cách riêng từ ba truyền thống văn hóa lớn như ông vẫn thường nói: tư duy Đức duy tâm, siêu nghiệm, hiện tượng, vô thức, xã hội...,

tiếp đến là tư duy Pháp phản tư, hiện hữu, cấu trúc, giải cấu..., sau nữa là tư duy phân tích, ngôn ngữ ‘xuyên Đại Tây dương’ Anh-Mỹ...

Suy tư của Ricoeur trên hết là một suy tư của hành động, luôn mãi vươn lên nhằm thực hiện sự công bình và niềm hi vọng của một tồn tại cộng đồng đầy sáng tạo cho một hạnh phúc chung. Hi vọng này không phải là một giấc mơ hòa hợp lãng mạn, nhưng là một suy tư tích cực không né tránh xung đột. Những khái niệm đáp trả, kháng biện, chiến thuật đối mặt với những ngăn cản gặp phải, tất thấy đều là những đặc điểm của thái độ làm triết học của ông.

Chính những ngõ cụt gặp phải trong suy tư lại kích thích ông phải tiếp tục suy tư. Nếu ông đã là một người thầy không thể so sánh, thì ông cũng là người đã từng giúp ta biết sáng tạo ra những khái niệm mới, những khái niệm giúp rộng mở suy tư, như: bản sắc thuật kể, phân biệt giữa “bản sắc đồng nhất thể” (idem: *mêmeté*) và “bản sắc đích thực thể” (ipse: *ipseité*), ẩn dụ sống (*métaphore vive*), bạn đồng hành và người lân cận (*socius* và *prochain*), ...

Trên con đường khắp khiêu của tìm kiếm, Ricoeur đã không bao giờ từ bỏ điều thiết yếu, vì những cám dỗ của thời trang hay những chán chường của thất vọng, bởi cái cơ bản của con đường ông đi là một sự đánh cuộc với cái ý nghĩa của cuộc đời, không phải cái ý nghĩa đã có sẵn, không phải một hữu thể luận là bệ xây cất, nhưng là một ý nghĩa phải được gây dựng, luôn mãi đang ở phía trước. Cuộc hành trình của sự bi ai thế kỷ XX đã từng trĩu nặng tư tưởng “cái ác”. Nhưng đồng thời tư tưởng này lại kêu gọi đến tư tưởng phải thay đổi, thay đổi từ “cái ác” đến “cái thiện”, cái “bất công” đến cái “công bình”/“công lí”, từ hiện tại và nơi đây đến ngày mai và những chân trời sáng tạo cao sâu rộng mở, và hơn nữa: không còn phải với cái logic “tương đương/tương đồng/tương lượng” (logic d’équivalence), mà là với cái logic của sự dư đầy/biểu tặng (logic de surabondance), với công thức “còn hơn biết mấy” (“combien plus”), đưa đến một sự ngỡ ngàng hân hoan trước một sự “sinh hạ mới”.

** Tôi xin kết thúc bài “Đôi giòong tiểu sử của Paul Ricoeur” này với lời kết Bài tựa của François Dosse về tập sách Paul Ricoeur của ông: “Hành trình của Paul Ricoeur, mang sinh khí biết lắng nghe tiếng nói của thời đại mình, đã làm dấy lên nơi những ai tiếp bước theo ông một niềm vui nội tâm sâu xa. Quả là một đam mê sinh động cảm nghiệm được của một cuộc đời đầy ý nghĩa, không phải vì sùng bái, tôn thờ hay vì phong trào thời thượng, nhưng là để tham phần vào món quà biếu tặng của bản thân Ricoeur, ngọn nguồn của một Minh triết tương giao chia sẻ” (Dosse 2008, 16).